TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số: 05/2024/HNGĐ-PT Ngày 01-02-2024 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Phi Yến

Bà Đỗ Thị Thúy Năng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2022/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng, bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng L; sinh năm 1982; cư trú tại: khu đô thị G, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T; sinh năm 1977; cư trú tại: Đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đặng Văn U; sinh năm 1977; cư trú tại: Đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn T, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2002, bà và ông Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Thuận, quận H, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống thì đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T là người gia trưởng, luôn nắm giữ và quản lý tiền bạc trong gia đình, tiền chợ ông T cũng quản lý phát cho bà từng ngày. Để không phải phụ thuộc, bà đã mở tiệm tạp hóa tại nhà buôn bán nhưng không thuận lợi dẫn đến nợ nần của nhiều người. Từ đó, giữa vợ chồng lại thường xuyên xảy ra cãi vã; từ năm 2019, do bị đòi nợ nên bà bỏ trốn đi khỏi nhà cho đến nay. Qua thời gian dài vợ chồng sống ly thân, nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T nữa nên xin được ly hôn.

- Về con: Bà và ông T có 02 con chung là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 14-5-2004 và Nguyễn Ngọc Khánh N, sinh ngày 17-7-2010. Ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu N và không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con; riêng con Nguyễn Đăng K đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong kỳ hôn nhân bà và ông T tạo ra các tài sản chung sau đây và bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho bà một nửa: 01 căn nhà và đất tại Đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; 01 thửa đất (trên đất có dựng nhà xưởng cột thép, mái lợp tôn) tại đường H1, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; 01 xe ô tô tải hiệu Huyndai, biển kiểm soát 43S-4669; 01 xe mô tô hiệu Honda, loại SH150, biển kiểm soát 43C1-43469; 01 Công ty TNHH TM & DV V có các tài sản: 01 máy mài kính, 01 máy cắt nhôm, 01 máy phay đố, 01 máy ép góc và 01 máy bơm hơi.

- Về nợ: Trước đây, bà và ông T có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam 1.200.000.000 đồng. Số tiền này ông T sử dụng để làm ăn kinh doanh và hưởng lợi ích nên ông T phải có nghĩa vụ hoàn trả tiền vay cho Ngân hàng. Ngoài ra, bà có vay riêng của ông Đặng Văn U 100.000.000 đồng chưa trả.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông với bà Nguyễn Thị Hồng L kết hôn và chung sống như bà L trình bày là đúng. Còn về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bà L vay nợ nhiều người không trả nên bị đòi nợ, xiết nợ, gây xáo trộn cuộc sống gia đình; phần bà L bỏ nhà đi trốn nợ để lại gánh nặng nợ nần lên ông và các con. Nay bà L quay về kiện để ly hôn và đòi chia tài sản thì ông thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

- Về con: Ông xác định vợ chồng có 02 con chung như bà L đã trình bày ở trên. Bà L bỏ nhà đi từ năm 2019 đến nay thì một mình ông chăm sóc nuôi các con; hiện cháu K đang học đại học ở Huế và đã đủ 18 tuổi nên ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết, còn đối với cháu N thì ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu vì cháu sống với ông đã ổn định; ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng cho cháu N.

- Về tài sản: Ông xác định trong kỳ hôn nhân vợ chồng có các tài sản chung như bà L kê khai ở trên; ông đề nghị chia cho ông 70%, còn chia cho bà L 30% giá trị, bởi vì đối với căn nhà tại K107/02 đường Hoàng Thúc Trâm thì ông đã mua trước khi kết hôn với bà L; các tài sản còn lại đều do một mình ông tự vay nợ để tạo dựng nên rồi làm ăn trả nợ, phần bà L thì không những không phụ giúp được gì cho ông mà còn vay nợ của nhiều người rồi bỏ đi để lại mình ông trả nợ thay và nuôi 02 con cho đến nay.

- Về nợ:

+ Năm 2018, ông và bà L thế chấp thửa đất tại 95 đường Hồ Nguyên Trừng để Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam 1.200.000.000 đồng. Trong thời gian bà L bỏ đi thì một mình ông trả tiền lãi, tiền gốc cho Ngân hàng. Vì vậy, ông yêu cầu bà L phải chịu trách nhiệm một nửa khoản nợ vay, trả lại cho ông 600.000.000 đồng.

+ Số tiền nợ riêng: Ngoài khoản nợ chưa trả 100.000.000 đồng đối với ông Đặng Văn U thì bà L còn vay nợ của nhiều người khác mà trong thời gian bà L bỏ đi trốn nợ thì ông đã đứng ra trả thay được 94.000.000 đồng, gồm trả cho bà Khiếu Nữ Pha L 44.000.000 đồng, bà Tạ Thị Thùy H 20.000.000 đồng, ông Trần Văn P 23.000.000 đồng và bà T *(không rõ họ)* 7.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu bà L hoàn trả lại cho ông 94.000.000 đồng; đối với số tiền còn nợ ông U thì bà L tự trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Đặng Văn U, trình bày: Trong năm 2018, ông có cho bà Nguyễn Thị Hồng L vay 100.000.000 đồng, nay ông yêu cầu bà L phải trả lại cho ông 100.000.000 đồng đã vay trước đây.

Tại Chứng thư thẩm định giá, ngày 07-6-2023 của Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính BTC Miền Trung, xác định: 01 căn nhà và đất tại địa chỉ Đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, trị giá 3.728.593.086 đồng; 01 thửa đất (trên đất có dựng xưởng bằng cột thép, mái lợp tôn) tại địa chỉ đường H1, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, trị giá 4.941.203.195 đồng; 01 xe ô tô hiệu Huyndai, loại tải, biển kiểm soát 43S-4669, trị giá 94.461.600 đồng; 01 xe mô tô hiệu Honda, loại SH150, biển kiểm soát 43C1-43469, trị giá 39.989.323 đồng; 01 máy mài kính, trị giá 117.500.000 đồng; 01 máy cắt nhôm, trị giá 84.150.000 đồng; 01 máy phay đố, trị giá 25.500.000 đồng; 01 máy ép góc, trị giá 30.600.000 đồng; 01 máy bơm hơi, trị giá 4.840.000 đồng. Tổng trị giá tài sản trên là 9.066.837.204 đồng.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 173 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 45, Điều 55, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 62, Điều 64, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213, Điều 219, Điều 494, Điều 496 và Điều 499 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn T.

2. Về con: Giao con chung Nguyễn Ngọc Khánh N; sinh ngày 17-7-2010 cho bà Nguyễn Thị Hồng L trực tiếp nuôi cho đến tuổi thành niên.

3. Về tài sản chung:

- Chia cho bà Nguyễn Thị Hồng L được sở hữu, sử dụng nhà đất tại K107/2 đường Hoàng Thúc Trâm, phường Hòa Cường Bắc, quận H, thành phố

Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 632215 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03-9-2013.

- Chia cho ông Nguyễn Văn T được sở hữu, sử dụng các tài sản gồm: 01 thửa đất (trên đất có nhà xưởng bằng cột thép và mái tôn) tại 95 đường Hồ Nguyên Trừng, phường Hòa Cường Nam, quận H, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 920170 do Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 23-9-2007; 01 xe ô tô hiệu Huyndai, biển kiểm soát 43S-4669 có Đăng ký xe ô tô số 002565 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14-5-2008; 01 xe mô tô hiệu Honda, biển kiểm soát 43C1-43469 có Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001265.

- Buộc bà Nguyễn Thị Hồng L trích trả phần chênh lệch về tài sản cho ông Nguyễn Văn T với số tiền là 72.188.100 đồng.

- Ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hồng L: Giao Công ty TNHH thương mại và dịch vụ V; 01 máy mài kính; 01 máy cắt nhôm; 01 máy phay đố; 01 máy ép góc; 01 máy bơm hơi, cho ông Nguyễn Văn T quản lý, sở hữu, sử dụng. Việc sở hữu đối với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ V mà ông Nguyễn Văn T được giao được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký đối với các tài sản được giao quản lý sở hữu sử dụng theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ riêng:

- Buộc bà Nguyễn Thị Hồng L phải trả cho ông Đặng Văn U số tiền là 100.000.000 đồng.

- Ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hồng L về việc hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền trả nợ thay là 94.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Ngày 06-10-2023, ông Nguyễn Văn T nộp đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết các nội dung sau:

- Giao con Nguyễn Ngọc Khánh N, sinh ngày 17-7-2010 cho ông trực tiếp nuôi;

- Chia toàn bộ tài sản chung theo tỷ lệ cho ông 70%; cho bà L 30% và giao cho ông toàn bộ tài sản, ông thối trả lại 30% trị giá tài sản bằng tiền cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo bị đơn ông Nguyễn Văn T đã thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T về yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Ngọc Khánh N, thì thấy: Từ năm 2019, lúc này cháu Nguyễn Đăng K đã 15 tuổi, còn cháu N chỉ mới 09 tuổi thì bà Nguyễn Thị Hồng L đã bỏ đi khỏi nhà để lại 02 cháu cho ông Nguyễn Văn T nuôi dưỡng, cho đến nay đã hơn 04 năm thì cháu N cũng đã ổn định sống với ông T, việc Tòa án sơ thẩm cho rằng cháu là con gái và có nguyện vọng muốn ở với mẹ để giao cháu cho bà L trực tiếp nuôi là chưa xem xét đầy đủ quyền lợi về mọi mặt của cháu N. Tại phiên tòa phúc thẩm, thì bà L cũng khai nhận hiện tại bà đang nuôi con nhỏ *(có với người đàn ông khác);* còn về phía cháu Linh cũng trình bày có nguyện vọng được ở với ông T, nên Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông T về nội dung này để giao cháu N cho ông T trực tiếp nuôi theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T về yêu cầu được chia 70% trị giá thửa đất tại 95 đường Hồ Nguyên Trừng, phường Hòa Cường Nam, quận H, thành phố Đà Nẵng cũng như 70% trị giá các tài khác bao gồm 01 xe ô tô tải hiệu Huyndai, biển kiểm soát 43S-4669; 01 xe mô tô hiệu Honda, biển kiểm soát 43C1-43469; 01 máy mài kính; 01 máy cắt nhôm; 01 máy phay đố; 01 máy ép góc; 01 máy bơm hơi, thì thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Hồng L khai trình bày kết hôn với ông T thì bà không có công việc làm, chỉ ở nhà nội trợ, cơm nước; tiền chợ thì ông T đưa từng ngày mà không được nắm giữ, quản lý tài chính của chồng làm ra nên bà buồn chán; thời gian sau đó thì bà mở tạp hóa buôn bán tại nhà nhưng thua lỗ, gây ra nợ nần phải bỏ đi trốn nợ; ông T ở nhà vừa làm ăn nuôi con và trả nợ thay cho bà L; khoản nợ vay của ngân hàng 1.200.000.000

đồng thì ông T cũng một mình đã trả hết trong thời gian bà L bỏ đi, nên khi khi khởi kiện xin ly hôn thì bà L còn yêu cầu giải quyết vì nghĩ là chưa trả.

Từ năm 2019 đến nay bà đã bỏ đi khỏi nhà, để 02 con chưa thành niên cho ông T một mình gánh vác mọi công việc và nuôi dưỡng 02 con; không cùng với ông T chăm lo cho gia đình, không cùng góp công, góp sức để duy trì, tôn tạo khối tài sản chung này. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm bà L còn thừa nhận là trong thời gian bỏ nhà đi thì bà đã có tình cảm với người đàn ông khác và có con với người này, nên bà L có lỗi trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng.

Do đó, có cơ sở để xác định thửa đất tại 95 đường Hồ Nguyên Trừng và các tài sản phục vụ làm nghề nói trên là do ông T có công sức đóng góp phần lớn hơn so với bà L vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung này; cùng với việc bà L có lỗi dẫn đến ly hôn và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên được giao cho ông T trực tiếp nuôi, nên cần chấp nhận kháng cáo của ông T để chia cho ông T 70% trị giá và chia cho bà L 30% trị giá tài sản chung nói trên.

[4] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T về yêu cầu giao cho ông căn nhà tại Đường H, phường H, thì thấy: Thửa đất này do ông T tạo lập từ trước và khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống ở đây; đến năm 2019, khi bà L bỏ nhà ra đi thì ông và 02 con vẫn ở tại đây. Hiện tại ông T và con ở tại căn nhà này và không có chỗ ở nào khác; còn bà L thì hiện đang ở tại địa chỉ khu đô thị G, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Ngoài ra, nay Tòa án cấp phúc thẩm xử giao cháu Nguyễn Ngọc Khánh N cho ông T trực tiếp nuôi, nên để đảm bảo quyền về chỗ ở cho ông T và 02 con, cũng như nhu cầu thực tế của ông T và bà L; đảm bảo cuộc sống ổn định cho các bên đương sự liên quan nên cần chấp nhận kháng cáo để giao căn nhà này cho ông T sở hữu, sử dụng là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; mặt khác, đồng thời buộc ông T thanh toán lại cho bà L giá trị tài sản được chia cũng đã bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L.

[5] Theo Chứng thư thẩm định giá, ngày 07-6-2023 của Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính BTC Miền Trung, xác định: 01 căn nhà và đất tại địa chỉ Đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, trị giá 3.728.593.086 đồng; 01 thửa đất (trên đất có dựng xưởng bằng cột thép, mái lợp tôn) tại địa chỉ đường H1, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, trị giá 4.941.203.195 đồng; 01 xe ô tô hiệu Huyndai, loại tải, biển kiểm soát 43S-4669, trị giá 94.461.600 đồng; 01 mô tô hiệu Honda, loại SH150, biển kiểm soát 43C1-

43469, trị giá 39.989.323 đồng; 01 máy mài kính, trị giá 117.500.000 đồng; 01 máy cắt nhôm, trị giá 84.150.000 đồng; 01 máy phay đố, trị giá 25.500.000 đồng; 01 máy ép góc, trị giá 30.600.000 đồng; 01 máy bơm hơi, trị giá 4.840.000 đồng. Tổng trị giá tài sản nói trên là 9.066.837.204 đồng.

Do xử giao toàn bộ tài sản chung nói trên cho ông T nên ông có nghĩa vụ thanh toán cho bà L phần chênh lệch là 2.720.051.161 đồng.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng:

Do sửa bản án sơ thẩm về xác định lại trị giá tài sản chung chia cho bà L và ông T nên cần sửa phần án phí dân sự sơ thẩm cho đúng với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cụ thể bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia là 86.401.023 đồng và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia là 114.346.786 đồng.

Do được chấp nhận kháng cáo nên cho ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn T phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng L 35.700.000 đồng tiền chi phí định giá tài sản và 1.500.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận toàn bộ đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng về nội dung con chung và chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 46, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 158, Điều 165 và Điều

166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về con: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh N, sinh ngày 17-7-2010 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn T có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về chia tài sản chung:

Chia cho bà Nguyễn Thị Hồng L trị giá tài sản chung tính thành tiền là 2.720.051.161 đồng (hai tỷ, bảy trăm hai mươi triệu, không trăm năm mươi mốt nghìn, một trăm sáu mươi mốt đồng); số tiền này ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho bà L.

Chia cho ông Nguyễn Văn T trị giá tài sản chung tính thành tiền là 6.346.786.023 đồng (sáu tỷ, ba trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi ba đồng); số tiền này ông T được chia bằng hiện vật.

Giao cho ông Nguyễn Văn T quyền sở hữu, sử dụng 01 căn nhà và đất tại địa chỉ Đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BO 632215 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03-9-2013.

Giao cho ông Nguyễn Văn T quyền sở hữu, sử dụng 01 thửa đất (trên đất có dựng xưởng bằng cột thép, mái lợp tôn) tại địa chỉ đường H1, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 920170 do Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 23-5-2007.

Giao cho ông Nguyễn Văn T quyền sở hữu, sử dụng 01 xe ô tô hiệu Huyndai, loại tải, biển kiểm soát 43S-4669, có Đăng ký xe ô tô số 002565 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 14-5-2008.

Giao cho ông Nguyễn Văn T quyền sở hữu, sử dụng 01 xe mô tô hiệu Honda, loại SH150, biển kiểm soát 43C1-43469, có Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001265 do Công an quận H – thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27-10-2014.

Giao cho ông Nguyễn Văn T quyền sở hữu, sử dụng 01 máy mài kính; 01 máy cắt nhôm; 01 máy phay đố; 01 máy ép góc; 01 máy bơm hơi.

Ông Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí và chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 150.000 đồng; về chia tài sản là 86.401.023 đồng; về nghĩa vụ trả nợ là 5.000.000 đồng, tổng tiền án phí dân sự sơ thẩm bà L phải chịu là 91.551.023 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 57.875.000 đồng theo biên lai tiền thu số 0006148 ngày 03-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng; bà L còn phải nộp 33.676.023 đồng (ba mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản là 114.346.786 đồng (một trăm mười bốn triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng).

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông T 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001383 ngày 25-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng.

Ông Nguyễn Văn T phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng L 35.700.000 đồng (ba mươi lăm triệu, bảy trăm nghìn đồng) tiền chi phí định giá tài sản và 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

5. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND quận H;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hà Nam